



**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

(trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý I năm 2015



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 30

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 3 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.743.101.753	2.729.430.443
110	I. Tiền	4	1.649.353	1.449.756
111	1. Tiền		1.649.353	1.449.756
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.740.195.680	2.726.833.248
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	17.885.304	15.808.396
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.774.900	4.543.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.987.951.408	2.008.549.615
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	732.480.828	699.828.997
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.896.760)	(1.896.760)
140	III. Hàng tồn kho		1.256.720	1.123.079
141	1. Hàng tồn kho	8	1.256.720	1.123.079
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác			24.360
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			24.360
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.923.035.228	7.741.931.487
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.795.067.154	1.740.230.241
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	1.795.067.154	1.740.230.241
216	2. Phải thu dài hạn khác			
220	II. Tài sản cố định		50.857.508	53.835.887
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	9.857.072	11.323.042
222	Nguyên giá		22.763.535	23.802.035
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.906.463)	(12.478.993)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	41.000.436	42.512.845
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.196.749)	(5.684.340)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		6.072.688.608	5.946.621.909
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	5.824.228.057	5.698.161.358
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	248.460.551	248.460.551
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.421.958	1.243.450
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.421.958	1.243.450
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.666.136.981	10.471.361.930

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 03 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.351.976.937	5.157.554.042
310	I. Nợ ngắn hạn		3.896.180.833	3.756.594.851
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	914.267	49.535.597
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	315.656	1.661.435
314	4. Phải trả người lao động		818.414	894.958
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	4.554.340	6.718.423
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.632.695.756	1.439.956.438
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	2.256.882.400	2.257.828.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
330	II. Nợ dài hạn		1.455.796.104	1.400.959.191
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	1.455.796.104	1.400.959.191
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	5.314.160.044	5.313.807.888
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.314.160.044	5.313.807.888
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.990.670.000	3.990.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.990.670.000	3.990.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.295.347.000	1.295.347.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.143.044	27.790.888
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		27.790.888	24.229.546
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		352.156	3.561.342
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		10.666.136.981	10.471.361.930



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập



Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 02 tháng 06 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.230.000	2.181.336	2.230.000	2.181.336
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.230.000	2.181.336	2.230.000	2.181.336
11	3. Giá vốn hàng bán	22	(1.596.200)	(1.477.127)	(1.596.200)	(1.477.127)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		633.800	704.209	633.800	704.209
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	59.316.131	81.689.885	59.316.131	81.689.885
22	6. Chi phí tài chính	23	(55.476.661)	(75.465.361)	(55.476.661)	(75.465.361)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		(55.359.745)	(75.275.964)	(55.359.745)	(75.275.964)
25	7. Chi phí bán hàng		(455.017)	(700.246)	(455.017)	(700.246)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(3.498.989)	(6.562.187)	(3.498.989)	(6.562.187)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		519.264	(333.700)	519.264	(333.700)
31	10. Thu nhập khác	24	1.420.817	831.377	1.420.817	831.377
32	11. Chi phí khác	24	(1.488.599)	(830.971)	(1.488.599)	(830.971)
40	12. Lợi nhuận khác	24	(67.782)	406	(67.782)	406

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2015

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		451.482	(333.294)	451.482	(333.294)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	(99.326)		(99.326)	
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		352.156	(333.294)	352.156	(333.294)



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập

Ngày 02 tháng 06 năm 2015



Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý I năm 2015

Ngàn VNĐ


Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Lợi nhuận trước thuế		451.482	(333.294)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	10,11	2.388.940	2.004.195
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Chi phí lãi vay		55.359.745	75.275.964
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		58.200.167	76.946.865
09	Tăng các khoản phải thu		(23.883.974)	(239.288.114)
10	Tăng hàng tồn kho		(133.641)	(68.274)
11	Tăng các khoản phải trả		95.671.674	303.935.090
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(3.154.148)	254.646
14	Tiền lãi vay đã trả		(55.649.403)	(75.275.964)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25	(1.058.447)	
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(11.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		69.992.228	66.493.049
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định			(55.815.205)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		589.440	
23	Tiền chi cho vay		(100.000.000)	
24	Tiền thu hồi cho vay		19.652.607	
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(113.883.643)	(169.124.240)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác			
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.848.965	
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(169.792.631)	(224.939.445)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		100.000.000	196.099.768
34	Tiền trả nợ gốc vay			(36.722.566)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		100.000.000	159.377.202


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		199.597	930.806
60	Tiền đầu kỳ	4	1.449.756	543.595
70	Tiền cuối kỳ	4	1.649.353	1.474.401


 Nguyễn Thị Hải Yến
 Người lập


 Đỗ Văn Hải
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Xuân Thắng
 Giám đốc



Ngày 02 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010, và mười hai (12) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Vào ngày 3 tháng 4 năm 2015, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 – điều chỉnh lần thứ mười một, chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Vào ngày 6 tháng 5 năm 2015, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ mười hai, thay đổi tên giám đốc công ty từ ông Trịnh Xuân Nhân thành ông Nguyễn Xuân Thắng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 94,39% vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ quý I năm 2015 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15"), và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	-	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	6 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí quản lý các công ty con. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền gửi ngân hàng	1.536.448	1.348.016
Tiền mặt tại quỹ	112.905	101.740
TỔNG CỘNG	<u>1.649.353</u>	<u>1.449.756</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	11.562.772	9.485.864
Phải thu từ bán tài sản cố định	6.322.532	6.322.532
TỔNG CỘNG	<u>17.885.304</u>	<u>15.808.396</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu bên liên quan với số tiền là 11.437.848 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 26).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	3.774.900	4.543.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Cho vay ngắn hạn	1.987.951.408	2.008.549.615
Các khoản khác	732.480.828	699.828.997
TỔNG CỘNG	<u>2.720.432.236</u>	<u>2.708.378.612</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, các khoản phải thu khác bao gồm các khoản phải thu bên liên quan với số tiền là 2.718.199.812 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 26).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Hàng hóa	1.098.780	965.139
Nguyên vật liệu	141.676	141.676
Công cụ, dụng cụ	16.264	16.264
TỔNG CỘNG	<u>1.256.720</u>	<u>1.123.079</u>

9. PHẢI THU DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Cho vay dài hạn	1.795.067.154	1.740.230.241
TỔNG CỘNG	<u>1.795.067.154</u>	<u>1.740.230.241</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, các khoản phải thu dài hạn bao gồm các khoản phải thu dài hạn bên liên quan với số tiền là 1.795.067.154 ngàn VNĐ (*Thuyết minh số 26*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ		16.616.942	6.903.819	281.274			23.802.035
Tăng trong kỳ							
<i>Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang</i>							
<i>Mua sắm mới</i>							
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>							
Giảm trong kỳ							
<i>Thanh lý</i>			(1.038.500)				(1.038.500)
<i>Phân loại lại</i>							-
Số dư cuối kỳ		16.616.942	5.865.319	281.274			22.763.535
Hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ		(9.711.653)	(2.530.580)	(236.760)			(12.478.993)
Tăng trong kỳ							
<i>Hao mòn trong kỳ</i>		(684.976)	(176.842)	(14.712)			(876.530)
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>							
Giảm trong kỳ							
<i>Thanh lý</i>			449.060				449.060
<i>Phân loại lại</i>							
Số dư cuối kỳ		(10.396.629)	(2.258.362)	(251.472)			(12.906.463)
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ		6.905.289	4.373.239	44.514			11.323.042
Số dư cuối kỳ		6.220.313	3.606.957	29.802			9.857.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2015

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Phần mềm</i>
	<i>máy tính</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	48.197.185
Mua sắm mới	
Số dư cuối kỳ	<u>48.197.185</u>
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(5.684.340)
Hao mòn trong kỳ	(1.512.409)
Số dư cuối kỳ	<u>(7.196.749)</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	<u>42.512.845</u>
Số dư cuối kỳ	<u><u>41.000.436</u></u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Ngày thành lập/ ngày mua</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("TNHH HA Quang Minh")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/01/2007	97,54
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	01/02/2007	97,54
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/09/2007	99,46
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HA Attapeu")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	22/05/2008	100,00
(5) Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai ("Trồng rừng Gia Lai")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	09/09/2008	99,83
(6) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	18/11/2009	100,00
(7) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/01/2010	99,38

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

12.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(8)	Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	25/01/2010	100,00
(9)	Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	16/07/2010	100,00
(10)	Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/12/2010	100,00
(11)	Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/01/2011	99,99
(12)	Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	17/02/2011	97,54
(13)	Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	01/11/2011	99,99
(14)	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	05/02/2013	100,00

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 03 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		%	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	45,22	248.460.551	45,22	248.460.551

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí trả trước dài hạn	4.421.958	1.243.450
TỔNG CỘNG	4.421.958	1.243.450

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	249.278.400	249.278.400
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	7.604.000	8.549.600
TỔNG CỘNG	2.256.882.400	2.257.828.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	914.267	49.535.597
TỔNG CỘNG	914.267	49.535.597

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 391.291 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 (*Thuyết minh số 26*).

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế giá trị gia tăng	105.485	537.671
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 25</i>)	99.326	1.058.447
Thuế thu nhập cá nhân	110.845	65.317
TỔNG CỘNG	315.656	1.661.435

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí lãi vay	4.267.611	5.828.823
Các khoản khác	286.729	889.600
TỔNG CỘNG	4.554.340	6.718.423

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	1.627.848.049	1.435.202.757
Phải trả khác bên thứ ba	4.847.707	4.753.681
TỔNG CỘNG	1.632.695.756	1.439.956.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2015

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
		Ngàn VNĐ
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	910.529.151	956.637.838
Trái phiếu kèm chứng quyền (Thuyết minh số 19.2)	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 19.3 và 26)	802.149.353	702.149.353
TỔNG CỘNG	3.712.678.504	3.658.787.191
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	1.455.796.104	1.400.959.191
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	249.278.400	249.278.400
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.1)	7.604.000	8.549.600

19.1 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 03 năm 2015 Ngàn VNĐ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp
<i>BIDV, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, ngày 1 tháng 4 năm 2010	<u>648.074.546</u>	Hoàn trả trong vòng 130 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 28 tháng 4 năm 2010)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng Đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (7,5% đến 8%/năm trong năm 2014)	Dự án trồng 10.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu, Lào
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	7.604.000			
<i>Sacombank, chi nhánh Đà Nẵng</i>				
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153, ngày 3 tháng 1 năm 2014	<u>262.454.605</u>	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 3 tháng 1 năm 2014)	1,125%/tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 4 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,3333%/tháng (12% đến 13%/năm trong năm 2014)	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Bình Hiên, Bình Thuận, Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Phát triển nhà Hoàng Anh Gia Lai; 200 căn hộ và quyền sử dụng đất tại Bàu Thạc Gián, Thạc Gián, Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

19.2 Trái phiếu kèm chứng quyền

Ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VNĐ) do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS") thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm 1 năm. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 11,37%/năm cho ba (3) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước ("SBV") bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. Trong trường hợp SBV hủy bỏ quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của VPBS bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") căn cứ theo các hợp đồng vào ngày 7 tháng 12 năm 2012, ngày 25 tháng 12 năm 2012 và ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền thu được là 750 tỷ VNĐ, 450 tỷ VNĐ và 800 tỷ VNĐ. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 2.000 tỷ VNĐ. Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của Công ty và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 143 triệu cổ phiếu của Công ty được nắm giữ bởi Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền. Thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền là bốn (4) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, các trái phiếu này đã được phân loại sang khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (*Thuyết minh số 14*).

19.3 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Thời hạn thanh toán	Lãi suất
	Ngàn VNĐ		
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, Công ty mẹ</i>			
Hợp đồng vay số 05-01/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014	200.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12%/năm
Hợp đồng vay số 20082012/HĐV-HAGL ngày 20 tháng 8 năm 2012	150.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	16%/năm
Hợp đồng vay số 05/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012	120.872.953	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Từ 14% đến 17%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

19.3 Các khoản vay dài hạn bên liên quan (tiếp theo)

Hợp đồng vay số 02/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011	99.278.400	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	17,7%/năm
Hợp đồng vay số 01/2013/HĐV-HAGL ngày 17 tháng 5 năm 2013	66.073.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	15%/năm
Hợp đồng vay số 09/12/2014/HĐV-HAGL ngày 9 tháng 12 năm 2014	65.925.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12%/năm
Hợp đồng vay số 02/2015//HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	100.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,87%/năm
TỔNG CỘNG	<u>802.149.353</u>		
<i>Trong đó :</i>			
Vay dài hạn đến hạn trả	249.278.400		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2015

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Ngàn VNĐ					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất công ty con	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Quý I năm 2014						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	3.990.670.000	1.295.347.000			24.229.546	5.310.246.546
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ					(333.295)	(333.295)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký						
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2014	3.990.670.000	1.295.347.000			23.896.251	5.309.913.251
Quý I năm 2015						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.990.670.000	1.295.347.000			27.790.888	5.313.807.888
Lãi thuần trong kỳ	-	-			352.156	352.156
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-				
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-				
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2015	3.990.670.000	1.295.347.000			28.143.044	5.314.160.044

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2015

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp
	Số cổ phần	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	376.660.000	3.766.600.000	94,39	3.766.600.000
Cổ đông khác	22.407.000	224.070.000	5,61	224.070.000
TỔNG CỘNG	399.067.000	3.990.670.000	100	3.990.670.000

20.3 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	399.067.000	399.067.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	399.067.000	399.067.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	399.067.000	399.067.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.067.000	399.067.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	399.067.000	399.067.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

21. DOANH THU

21.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	2.230.000	2.181.336	2.230.000	2.181.336
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	2.230.000	2.181.336	2.230.000	2.181.336

21.2 DOANH THU TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	59.307.798	81.494.893	59.307.798	81.494.893
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.045	5.595	6.045	5.595
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.288		2.288	
Các khoản khác		189.397		189.397
TỔNG CỘNG	59.316.131	81.689.885	59.316.131	81.689.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	1.596.200	1.477.127	1.596.200	1.477.127

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	55.356.388	75.275.964	55.356.388	75.275.964
Lỗi chênh lệch tỷ giá	3.357		3.357	
Các khoản khác	116.916	189.397	116.916	189.397
TỔNG CỘNG	55.476.661	75.465.361	55.476.661	75.465.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

24. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.420.817	831.377	1.420.817	831.377
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	589.440		589.440	
Các khoản khác	831.377	831.377	831.377	831.377
Chi phí khác	(1.488.599)	(830.971)	(1.488.599)	(830.971)
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(589.440)		(589.440)	
Các khoản khác	(899.159)	(830.971)	(899.159)	(830.971)
LỢI NHUẬN KHÁC	(67.782)	406	(67.782)	406

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2015

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VNĐ	
	Quý I năm 2015	Quý I năm 2014
Chi phí thuế TNDN hiện hành	99.326	
TỔNG CỘNG	99.326	

Thuế TNDN hiện hành

	Ngàn VNĐ	
	Quý I năm 2015	Quý I năm 2014
Lợi nhuận trước thuế	451.482	(333.295)
Các khoản chi phí không được khấu trừ		
Thu nhập cổ tức		
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	451.482	
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ	99.326	
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	1.058.447	
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(1.058.447)	
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	99.326	

26. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ Số tiền
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay Khác	19.634.166 116.916
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	10.642.564
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	2.230.000

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2015

26. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Khác	3.445.290 831.377
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	2.402.248
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	12.770.466
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	2.822.163
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	16.183.299
Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	11.041.767
Công ty cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Bên liên quan	Bán tài sản	589.441

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 03 năm 2015 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số tiền</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	61.146
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán tài sản	3.285.900
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	943.950
Chi nhánh Nguyên Vật Liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	772.802
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	6.374.050

TỔNG CỘNG

11.437.848

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2015

26. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Phải thu ngắn hạn

Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay	185.500.617
Công ty cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Bên liên quan	Bán tài sản	648.385
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Cho vay	128.221.602
		Lãi vay	2.402.248
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	149.990.001
		Lãi vay	89.399.479
		Khác	7.073.452
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	270.000.001
		Lãi vay	184.776.178
		Khác	8.784.480
Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	235.611.131
		Lãi vay	121.581.166
		Khác	2.591.722
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	581.064.043
		Lãi vay	127.614.052
		Khác	25.899.204
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	437.564.012
		Lãi vay	146.442.874
		Khác	9.249.852
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu khác	1.861.952
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu khác	1.923.361
TỔNG CỘNG			<u>2.718.199.812</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2015

26. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Phải thu dài hạn

Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	462.454.605
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	386.224.353
Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	168.000.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	778.388.196
TỔNG CỘNG			<u>1.795.067.154</u>

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 03 năm 2015 như sau:
 (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Số tiền</i>
<i>Phải trả người bán</i>			
Chi nhánh Cơ khí- Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	42.141
Công ty TNHH MTV Kinh doanh xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	349.150
TỔNG CỘNG			<u>391.291</u>
<i>Phải trả khác</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền và chi phí lãi vay Cổ tức phải trả	1.468.314.600 83.091.160
Công ty Cổ phần Trồng Rừng công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Mượn tiền	76.442.289
TỔNG CỘNG			<u>1.627.848.049</u>
<i>Vay dài hạn</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	<u>802.149.353</u>

27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý I năm 2015

Bảng cân đối kết toán


	Ngàn VNĐ		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.469.660.684	(1.740.230.241)	2.729.430.443
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	4.466.915.730	(1.740.082.482)	2.726.833.248
- Phải thu về cho vay ngắn hạn		2.008.549.615	2.008.549.615
- Phải thu ngắn hạn khác	4.448.461.094	(3.748.632.097)	699.828.997
IV. Tài sản ngắn hạn khác	172.119	(147.759)	24.360
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	6.001.701.246	1.740.230.241	7.741.931.487
I. Các khoản phải thu dài hạn		1.740.230.241	1.740.230.241
- Phải thu về cho vay dài hạn	-	1.740.230.241	1.740.230.241

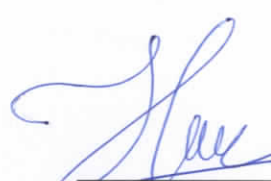
28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 3 tháng 4 năm 2015, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 - điều chỉnh lần thứ mười một, chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Theo Nghị quyết số 03/04/15/NQHĐQT-HAGL của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ngày 3 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị thống nhất chủ trương niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và việc niêm yết này dự kiến hoàn thành vào cuối tháng 7 năm 2015.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.


 Nguyễn Thị Hải Yến
 Người lập
 Ngày 06 tháng 6 năm 2015


 Đỗ Văn Hải
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Xuân Thắng
 Giám đốc